

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH H3 TỈNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS-ST
Ngày: 19 - 7 - 2019
*Tranh chấp thừa kế tài sản;
Yêu cầu hủy giấy CNQSD đất*

**NHÂN DNH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH H3 TỈNH

TH3nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng

Ông Phạm TH3nh.

- ***Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Trương Thị Minh Hiền – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh H3 Tỉnh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H3 Tỉnh:*** Bà Nguyễn Hồng Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh H3 Tỉnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 14/2019/TLST- HNGĐ ngày 05/12/2018 về "Tranh chấp thừa kế tài sản" và "Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" theo Thông báo mở lại phiên tòa số 03/2019/TB- TA ngày 25/6/2019 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Đình T; sinh năm 1958. Địa chỉ: 103/3, Phạm Văn Bạch, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, có mặt.

- Bị đơn: Bà Phan Thị T1; sinh năm 1955. Địa chỉ: Xóm T1 Phú, xã Thạch Trung, TP. H3 Tỉnh, có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đặng Thị T2, Sn 1946; Địa chỉ: 56C, ấp 5, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, vắng mặt.

2. Bà Đặng Thị Xuân, SN 1960; Địa chỉ: Xóm T1 Phú, xã Thạch Trung, TP. H3 Tỉnh, có mặt.

3. Bà Đặng Thị H, Sn 1963; Địa chỉ: 116 E, ấp 5, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, vắng mặt.

4. Bà Đặng Thị V (tên gọi khác VANPORSCH), Sn 1966; Địa chỉ: Wifostr2 96157 Ebrach Germany, vắng mặt.

5. Ủy ban nhân dân Tp. H3 Tỉnh; Địa chỉ: Số 72, đường Phan Đình Phùng, TP. H3 Tỉnh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị V Anh – Chức vụ: Phó phòng Tài nguyên và môi trường, (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/6/2019) có mặt.

6. Ủy ban nhân dân xã Thạch Trung, TP. H3 Tỉnh, tỉnh H3 Tỉnh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu N – Chức vụ: Cán bộ địa chính (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/6/2019) có mặt.

7. Anh Đặng Đình H1, SN 1982; Địa chỉ: Xóm T1 Phú, xã Thạch Trung, TP. H3 Tỉnh, vắng mặt.

8. Chị Đặng Thị H2, SN 1984; Địa chỉ: 194 nH3 95 G, phố Zakrevskogo, tH3nh phố Kiev, Ucraina, vắng mặt.

9. Chị Đặng Thị H3; Địa chỉ: Xóm T1 Phú, xã Thạch Trung, TP. H3 Tỉnh, có mặt.

10. Chị Đặng Thị H3; Địa chỉ: Xóm T1 Phú, xã Thạch Trung, TP. H3 Tỉnh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Đặng Đình T trình bày:

Cha mẹ ông là cụ Phan Thị D (mất năm 1975) và cụ Đặng T3 (mất năm 1986) có 8 người con: một người mất từ nhỏ, Đặng Quang Trung (hy sinh năm 1974), Đặng Đình H4 (mất năm 1997), Đặng Thị T2, Đặng Thị Xuân, Đặng Thị H, Đặng Thị V (đang ở nước ngoài) và Đặng Đình T. Năm 1976, tôi đi học ngành công an, sau đó vào Sài Gòn công tác và xây dựng gia đình. Sau khi cha mẹ mất để lại một mảnh đất trên đó có ngôi nH3 gỗ cũ tại xóm T1 Phú, xã Thạch Trung, TP. H3 Tỉnh, vợ chồng anh trai là ông Đặng Đình H4 và bà Phan Thị T1 quản lý và sử dụng. Năm 1995 anh chị em trong gia đình họp lại thống nhất chia cho tôi và ông H4 mỗi người được hưởng 1 nửa diện tích đất cha mẹ để lại. Năm 1997 ông H4 mất, bà T1 tiếp tục sinh sống trên mảnh đất cha mẹ từ đó đến nay, bà đã phá bỏ ngôi nH3 gỗ cũ xây nH3 mới. Tôi yêu cầu bà T1 chia mảnh đất cha mẹ để lại theo kỹ phần như trong buổi họp gia đình nhưng bà T1 không đồng ý. Nay tôi yêu cầu bà T1 trả lại cho tôi 526m² của cha mẹ để tôi về quê sinh sống. Yêu cầu hủy giấy CNQSD đất số T019492 ngày 17/8/2001 mang tên Phan Thị T1.

Bị đơn bà Phan Thị T1 trình bày:

Năm 1976 bà lập gia đình với ông Đặng Đình H4 khi đó cụ D đã mất, vợ chồng sống cùng cụ T3, đến năm 1986 cụ T3 mất để lại mảnh đất trên đó có ngôi nH3 gỗ cũ cho vợ chồng bà sinh sống. Năm 1996 vợ chồng phá bỏ ngôi nH3 gỗ xây lên nH3 mới, đến năm 1997 ông H4 mất. Từ trước đến nay gia đình bà sinh sống yên ổn trên mảnh đất này không ai tranh chấp hay kH4 nại gì. Năm 2001, bà được chính quyền cấp giấy CNQSD đất mang tên Phan thị T1. Nay ông T về đòi một nửa thửa đất bà không đồng ý và đề nghị bác yêu cầu hủy giấy CNQSD đất của ông T.

Tại các buổi làm việc và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Xuân trình bày :

Cha mẹ bà là cụ Phan Thị D, cụ Đặng T3 có 8 người con, cha mẹ mất không để lại di chúc. Tài sản cha mẹ để lại có mảnh đất tại xóm T1 Phú, xã Thạch Trung trước đến nay vợ chồng anh trai Đặng Đình H4 và Phan Thị T1 sinh sống. Nay anh trai Đặng Đình T khởi kiện chia thừa kế tôi không có ý kiến gì. Bà xin nhận thừa kế tài sản cha mẹ để lại và nhường phần mình được hưởng cho bà T1 để làm nơi thờ cúng cho cha mẹ.

Trong bản tự khai gửi Tòa án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T2, Đặng Thị H trình bày :

Cha mẹ bà là Phan Thị D (mất năm 1975) và Đặng T3 (mất năm 1986) có 7 người con là: Đặng Quang Trung (hy sinh năm 1974), Đặng Đình H4 (mất năm 1997), Đặng Thị T2, Đặng Thị Xuân, Đặng Thị H, Đặng Thị V (đang ở nước ngoài), Đặng Đình T. Sau khi bố mẹ mất để lại một mảnh đất và ngôi nhà H3 gỗ cũ địa chỉ tại xóm T1 Phú, xã Thạch Trung, TP. H3 Tĩnh. Nay ông T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế các bà không có ý kiến gì, không có tranh chấp và không nhận di sản thừa kế, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật và đồng thời xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

- Ý kiến trình bày của Ủy ban nhân dân thị trấn phố H3 Tĩnh:

Đất gia đình bà Phan Thị T1 đang sử dụng có nguồn gốc là đất thổ cư do ông Đặng T3 và bà Phan Thị D (là cha mẹ chồng) chết để lại. Trên bản đồ 299 mảnh đất mang số thửa 366, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.162m², trong sổ mục kê mang tên Đặng T3. Trên bản đồ 371, mảnh đất mang số thửa 375, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.053m², trong sổ mục kê mang tên Đặng Đình H4. Quá trình lập hồ sơ cấp GCNQSD đất cho bà Phan Thị T1: Năm 2001, hộ bà Phan Thị T1 làm đơn xin đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng. Các Tiểu ban của xã đội CH4 trên thực địa và số liệu ruộng đất của các hộ kê khai và số liệu đo đạc 371, cùng hiện trạng và quá trình quản lý, sử dụng đất, nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phí H3ng năm đều do gia đình bà Phan Thị T1 thực hiện. Ban chỉ đạo của HTX đăng ký vào sổ 05 (Đội I xóm T1 Phú) và đề nghị cấp GCNQSD đất cho bà Phan Thị T1. Sau đó, Ban chỉ đạo của xã Thạch Trung thông qua HĐND xã về phương án giao đất, bù rút đất của các hợp tác xã, Ban chỉ đạo của xã lập báo cáo trình phòng Địa chính (nay là phòng Tài nguyên và Môi trường) xem xét trình UBND Thị xã H3 Tĩnh (nay là TH3nh phố) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân trong đó có đất của gia đình bà Phan Thị T1. Năm 2001, UBND xã Thạch Trung và UBND thị xã H3 Tĩnh (nay là TH3nh phố) làm hồ sơ, thủ tục cấp GCNQSD đất cho bà Phan Thị T1 là đúng quy trình, thủ tục. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thị xã H3 Tĩnh năm 2001 để đảm bảo thống nhất quản lý đất đai của địa phương, đáp ứng được tinh thần Chỉ thị số 18-1999-TTg ngày 01/7/1999 về một số biện pháp đẩy nhanh

tiền độ hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp, lâm nghiệp, đất ở nông thôn xong trong năm 2000. Nay ông Đặng Đình T khởi kiện ra Tòa án nhân dân về chia thừa kế thì đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật.

Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn: UBND thành phố đề nghị giữ nguyên quyết định cấp đất vì quá trình cấp đất đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định.

- *Ý kiến trình bày của Ủy ban nhân dân xã Thạch Trung*: Thông nhất với trình bày của đại diện UBND thành phố về quá trình thực hiện thủ tục cấp đất cho bà Phan Thị T1. Trong quá trình đo đạc thẩm định có thừa ra 54m² đất so với bì, nêu phần diện tích tăng thêm không do coi nói, lấn chiếm thì đề xuất công nhận quyền sử dụng đất.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát*:

Về tố tụng và thẩm quyền: Thẩm phán đã thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng cách pháp lý những người tham gia tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp, thông báo thụ lý, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải, thông báo ngày mở phiên tòa cho đương sự theo đúng quy định của BLTTDS năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Đình T:

Giao cho ông Đặng Đình T được quyền quản lý, sử dụng di sản thừa kế phần đất có trị giá 270.448.000đ tương ứng với diện tích 316 m² đất trong đó 67m² đất ở, 249m² đất vườn; có vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đường xóm dài 10,9m; Phía Tây giáp đất bà Trương Thị Mai dài 9,2 m; phía N giáp mương thoát nước dài 17,9 m và giáp đất ông Nguyễn Văn Ngôn dài 12,3 m; Phía Bắc giáp phần đất giao cho bà Đặng Thị V dài 29,8m.

- Giao cho bà Phan Thị T1 được quản lý, sử dụng di sản thừa kế phần đất có trị giá 410.989.500đ tương ứng với diện tích 579 m² đất trong đó 100m² đất ở, 479 m² đất vườn; tạm giao cho bà Phan Thị T1 quản lý, sử dụng 54m² diện tích đất tăng thêm. Tổng diện tích bà Phan Thị T1 được quản lý sử dụng là 633m² trong đó 100m² đất ở, 533 m² đất vườn, trị giá tài sản là 413.716.500đ, có vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đường xóm dài 22,8m, phía Tây giáp phần đất ông Đặng Đình H dài 5,6m và giáp phần đất bà Trương Thị Mai 15,4m; Phía N giáp phần đất chia cho bà Đặng Thị V dài 29,8m; Phía Bắc giáp với đất ông Đặng Đình Hồ dài 27,9m, Trên diện tích đất có 01 ngôi nhà cấp 4 do ông Hiền, bà T1 xây năm 1991 và một số cây ăn quả, Hàng rào B40 bà T1 tiếp tục quản lý sử dụng số tài sản này.

- Giao cho bà Đặng Thị V được quản lý, sử dụng di sản thừa kế phần đất có trị giá 135.229.000đ tương ứng với diện tích 158m² trong đó 33m² đất ở,

125m² đất vườn, vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đường xóm dài 5,7m, phía Tây giáp phần đất bà Trương Thị Mai 5,4m; phía Bắc giáp phần đất giao cho bà Phan Thị T1 dài 29,8m, phía N giáp phần đất giao cho ông Đặng Đình T, dài 29,8m. Hiện bà Đặng Thị V đang sinh sống ở nước ngoài nên tạm giao cho bà Phan Thị T1 quản lý đối với diện tích đất này, sau khi bà Đặng Thị V về Việt N, bà Phan Thị T1 pH có trách nhiệm giao lại cho bà V.

Chấp nhận yêu cầu hủy 1 phần giấy CNQSD đất số T 019492 ngày 17/8/2001 mang tên Phan Thị T1 tại thửa số 375, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.053m² tại xóm T1 Phú, xã Thạch Trung, TP. H3 Tỉnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn ông Đặng Đình T vụ án do Tòa án nhân dân tH3nh phố H3 Tỉnh thụ lý giải quyết theo khoản 5 Điều 26 BLTTDS. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị V theo công văn trả lời ngày 03/7/2018 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an thị bà Đặng Thị V có hộ cH4 được cấp số N1067359 và số N1588557; hộ cH4 đã sử dụng để xuất nhập cảnh 10 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 26/5/2016, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Chị Đặng Thị H2 có xác nhận của Đại sứ quán Ucraina hiện đang sinh sống tại TH3nh phố Kiev Ucraina, vì vậy Tòa án nhân dân tH3nh phố H3 Tỉnh chuyển thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Quá trình làm việc, ông Đặng Đình T bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 019492 ngày 17/8/2001 của UBND thị xã H3 Tỉnh (nay là TP. H3 Tỉnh) cấp cho bà Phan Thị T1 theo quy định tại Điều 34 BLTTDS, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng H3nh chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh H3 Tỉnh.

Về việc vắng mặt các đương sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị T2, Đặng Thị H có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án; bà Đặng Thị V hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án đã tiến H3nh niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Phiên tòa mở lần thứ nhất và hoãn do một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Thông báo mở lại phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ và niêm yết công khai nhưng đương sự tiếp tục vắng mặt nên cần áp dụng khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp:

Cụ Đặng T3 và Phan Thị D có 8 người con (một người mất khi còn nhỏ), ông Đặng Quang Trung (hy sinh năm 1974), Đặng Đình H4, bà Đặng Thị T2,

Đặng Thị Xuân, Đặng Thị H, Đặng Thị V (đang ở nước ngoài) và ông Đặng Đình T. Cụ D mất năm 1975, cụ T3 ở cùng vợ chồng ông Đặng Đình H4 và bà Phan Thị T1, năm 1986 cụ T3 chết. Cụ T3, cụ D chết không để lại di chúc, di sản để lại là thửa đất tại xóm T1 Phú, xã Thạch Trung, Tp. H3 Tỉnh hiện bà T1 đang sinh sống, trong sổ mục kê mang tên Đặng T3. Trên bản đồ 371, mảnh đất mang số thửa 375, tờ bản đồ số 1, trong sổ mục kê mang tên Đặng Đình H4. Đến năm 2001 bà Phan Thị T1 làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phan Thị T1.

Như vậy thửa đất hiện đang tranh chấp mang số thửa 375, tờ bản đồ số 11 tại xóm T1 Phú xã Thạch Trung, tH3nh phố H3 Tỉnh mang tên Phan Thị T1.

Nguyên đơn, bị đơn, người ó quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất khai thửa đất có nguồn gốc là do cha mẹ là cụ Đặng T3 và cụ Phan Thị D để lại. Sau khi cha mẹ chết không để lại di chúc thì vợ chồng anh trai Đặng Đình H4, Phan Thị T1 tiếp tục quản lý và sử dụng.

Ý kiến của đại diện UBND xã Thạch Trung và UBND tH3nh phố H3 Tỉnh: Đất gia đình bà Phan Thị T1 đang sử dụng có nguồn gốc là đất thổ cư do ông Đặng T3 và bà Phan Thị D (là cha mẹ chồng) chết để lại. Trên bản đồ 299 mảnh đất mang số thửa 366, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.162m², trong sổ mục kê mang tên Đặng T3. Trên bản đồ 371, mảnh đất mang số thửa 375, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.053m², trong sổ mục kê mang tên Đặng Đình H4. Năm 1975 bà Phan Thị D chết. Năm 1976, bà Phan Thị T1 lấy ông Đặng Đình H4 (con trai ông Đặng T3 và bà Phan Thị D) và cùng cha mẹ chồng và các anh em sinh sống trên mảnh đất này. Tháng 10 năm 1976, ông Đặng Đình T đi học ngành công an 3 năm, sau đó vào Sài Gòn công tác và xây dựng gia đình sinh sống từ đó đến nay. Đến năm 1987, ông Đặng T3 chết, để lại mảnh đất cùng ngôi nH3 gỗ cũ cho vợ chồng ông Đặng Đình H4 và bà Phan Thị T1 sử dụng. Năm 1992, vợ chồng bà T1 tháo dỡ ngôi nH3 cũ và xây dựng ngôi nH3 mới. Năm 1997, ông Đặng Đình H4 chết, bà Phan Thị T1 cùng các con sinh sống từ đó đến năm 2009 không có tranh chấp, kH4 nại.

Như vậy có đủ căn cứ để kết luận mảnh đất đang tranh chấp thửa số 375, tờ bản đồ số 11 mang tên Phan Thị T1 tại xóm T1 Phú, xã Thạch Trung có nguồn gốc là đất thổ cư do cụ Đặng T3 và cụ Phan Thị D để lại.

[2.2] Về thời điểm mở thừa kế, thời hiệu thừa kế và H3ng thừa kế

Cụ D mất năm 1975, không để lại di chúc, thời điểm mở thừa kế là năm 1975. Theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản thừa kế là 30 năm. Những người thuộc H3ng thừa kế thứ nhất của cụ D gồm: Cụ T3, 6 người con là ông H4, ông T, bà T2, bà H, bà Xuân, bà V.

Năm 1986 cụ T3 chết không để lại di chúc, thời điểm mở thừa kế của cụ T3 là năm 1986. Những người thuộc H3ng thừa kế thứ nhất của cụ T3 gồm: 6 người con ông H4, ông T, bà T2, bà H, bà Xuân, bà V.

Năm 1997 ông Đặng Đình H4 mất, những người thuộc H3ng thừa kế của ông H4 gồm: bà T1 và 4 người con Đặng Đình H1, Đặng Thị H2, Đặng Thị H3, Đặng Thị H3. Quá trình giải quyết vụ án các đồng thừa kế của ông H4 không yêu cầu giải quyết về tài sản thừa kế, nên sau khi chia thừa kế bà Phan Thị T1 tiếp tục quản lý phần thừa kế của ông Đặng Đình H4.

Theo tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp bà Đặng Thị T2 có văn bản được công chứng, chứng thực ngày 29/6/2016 số chứng thực 00985; Bà Đặng Thị H có văn bản công chứng thực ngày 29/6/2016 số chứng thực 001400 đều được lập tại Văn phòng công chứng Lý Như Hoa, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp Hồ Chí Minh đều có nội dung: đề nghị chia thừa kế 6 phần và phần thừa kế của các bà tặng đều cho ông Đặng Đình T, ông Đặng Đình H4 quản lý, sử dụng (ông H4 mất thì giao cho bà T1 quản lý, sử dụng). Đến ngày 11/6/2018, tại bản tự khai bà T2 và bà H trình bày không nhận thừa kế và đề nghị giải quyết theo pháp luật. Tuy nhiên bà Đặng Thị H, Đặng Thị T2 không đến Văn phòng Công chứng Lý Như Hoa để hủy bỏ bản công chứng lập ngày 29/6/2016, do đó văn bản lập ngày 29/6/2016 vẫn còn hiệu lực. Đối với bà Đặng Thị Xuân qua các buổi làm việc tại tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà vẫn giữ nguyên quan điểm nhận thừa kế và nhường phần thừa kế của mình cho bà Phan Thị T1 quản lý, sử dụng. Như vậy việc các bà Đặng Thị T2, Đặng Thị H, Đặng Thị Xuân thể hiện ý chí nguyện vọng về việc nhường phần thừa kế của mình cho ông Đặng Đình T, bà Phan Thị T1 hoàn toàn tự nguyện không trái với đạo đức, trái với pháp luật và ông T, bà T1 đều không có ý kiến phản đối. Do đó cần ghi nhận quyền tự quyết định, tự định đoạt của các đương sự quy định tại Điều 5 BLTTDS năm 2015.

Ông T khai vào ngày 20/7/1995 các anh chị em trong gia đình họp lại thống nhất chia cho ông T và anh Đặng Đình H4 mỗi người được hưởng 1 nửa diện tích đất cha mẹ để lại. Tuy nhiên ông không cung cấp được chứng cứ, tài liệu chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà T1, bà Xuân không thừa nhận có cuộc họp gia đình để phân chia di sản thừa kế như lời khai của ông T. Như vậy cho thấy di sản của cụ T3, cụ D để lại chưa chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế cho ai do đó yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn ông Đặng Đình T được xác định là yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật quy định tại Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự 2015.

Trong vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị V đang sinh sống tại nước ngoài, quá trình làm việc thì Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn và người thân thích trong nước của đương sự ở nước ngoài cung cấp địa chỉ đúng nhưng họ không biết địa chỉ nào khác. Vì đây là vụ án dân sự tranh chấp

về thừa kế tài sản có người thuộc diện thừa kế ở nước ngoài, Tòa án đã thực hiện ủy thác T pháp theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn không xác định được địa chỉ của người thuộc diện thừa kế ở nước ngoài và Tòa án đã xác định được di sản thừa kế, diện H3ng thừa kế và người để lại di sản thừa kế không có di chúc, nên Tòa án vẫn giải quyết yêu cầu của nguyên đơn về chia thừa kế theo quy định của pháp luật; phân tài sản thừa kế của người vắng mặt do không xác định được địa chỉ sẽ tạm giao cho người sống trong nước quản lý để sau này giao lại cho thừa kế vắng mặt, theo quy định tại Án lệ số 06/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn :

Trong đơn khởi kiện ông Đặng Đình T yêu cầu chia thừa kế đất cha mẹ để lại 1 nửa của thửa đất 1.053m^2 là 526m^2 . Tại kết quả đo đạc thẩm định ngày 24/4/2019 diện tích thực tế thửa đất là 1.107m^2 như vậy so với diện tích được cấp thì có 54m^2 nằm ngoài giấy CNQSD đất, các đương sự đồng ý với kết quả xem xét thẩm định và định giá tài sản. Các đương sự đều thừa nhận ranh giới đất từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 đến nay là rõ ràng, không thay đổi, không lấn chiếm của ai và cũng không bị ai lấn chiếm, diện tích tăng là do sai số trong đo đạc nên đề nghị giải quyết theo kết quả đo đạc thực tế. Đại diện chính quyền địa phương xác nhận việc không có tranh chấp ranh giới đất với các chủ sử dụng đất liền kề nên Tòa án chấp nhận giải quyết theo kết quả đo đạc thực tế.

Theo kết quả định giá của hội đồng định giá tài sản ngày 24/4/2019 thì thửa đất có giá trị: (đất ở $200\text{m}^2 \times 3.868.000\text{đ}$) + (Đất vườn $853\text{m}^2 \times 50.500\text{đ}$) = $816.676.000\text{đ}$.

Các tài sản trên đất gồm một ngôi nhà 1 tầng không yêu cầu định giá, H3ng rào trị giá $26.038.000\text{đ}$; trụ bê tông độc lập 900.000đ ; cổng $1.503.000\text{đ}$; một số loại cây ăn quả. Tổng giá trị tài sản trên đất là $34.265.000\text{đ}$.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà Phan Thị T1 có đơn đề nghị Tòa án xem xét cho bà được hưởng 200m^2 đất công sức quản lý, tôn tạo mảnh đất và trích ra $\frac{1}{4}$ diện tích đất để xây nhánh nhà thờ cúng cha mẹ chồng, anh chồng là liệt sỹ. Xét thấy bà T1 là người sinh sống trên mảnh đất này từ khi cụ T3 còn sống, sau khi cụ T3 mất bà có công quản lý, duy trì, tôn tạo và thực hiện nghĩa vụ về đất đai cho nhà nước do đó cần chấp nhận một phần yêu cầu của bà T1 trích một phần diện tích đất vườn là 105m^2 trị giá $5.302.500\text{đ}$ để bù đắp một phần chi phí công sức quản lý, di sản và tạo điều kiện thuận tiện trong việc thờ cúng đảm bảo đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 618 của Bộ luật dân sự 2015. Tạm giao 54m^2 đất nằm ngoài giấy CNQSD đất cho bà T1 tiếp tục quản lý, sử dụng.

Tổng diện tích đất theo bì là 1.053 m² sau khi trích cho bà T1 thì còn lại 948m². Chia thừa kế theo pháp luật thì di sản của cụ D, cụ T3 được chia 6 phần; mỗi đồng thừa kế được hưởng kỷ phần như nhau là $1/6 = 158\text{m}^2$.

Kỷ phần của bà Đặng Thị H, Đặng Thị T2 cho ông Đặng Đình T và Đặng Đình H4 (bà T1) mỗi người một nửa, như vậy ông T được hưởng $2/6 = 316\text{m}^2$. Như vậy ông Đặng Đình T được hưởng di sản thừa kế phần đất có trị giá 270.448.000đ (trong đó 67m² đất ở, 249m² đất vườn).

Bà Đặng Thị Xuân được hưởng kỷ phần 1/6 nhưng bà không nhận và cho bà T1, như vậy bà T1 được hưởng $3/6 = 474\text{m}^2$ và 105m² được hưởng công tôn tạo duy trì tài sản, như vậy tổng giá trị tài sản được hưởng 410.989.500đ Tương ứng với diện tích 579 m² đất (trong đó 100m² đất ở, 479 m² đất vườn).

Kỷ phần bà Đặng Thị V được hưởng 1/6 Tương đương với 158m² trị giá 135.229.000đ (trong đó 33m² đất ở, 125m² đất vườn).

Về vị trí chia thừa đất: Thừa đất có vị trí bám mặt đường, bà T1 đã xây dựng nh3 kiên cố trên phần đất phía Tây vì vậy nên phân chia cho bà T1 phần đất có xây nh3, công trên đó, tiếp theo là đất chia cho bà V vì bà V đang ở nước ngoài chưa về nhận di sản nên tạm giao cho bà T1 quản lý phần thừa kế của bà V là hợp lý phần còn lại giao cho ông T, trên đất có 1 số cây cối có giá trị thấp và H3ng rào tạm nên không buộc ông T phải đền bù.

[2.4] Đối với yêu cầu hủy giấy CNQSD đất số T 019492 ngày 17/8/2001 mang tên Phan Thị T1

Tòa án nhân dân tỉnh H3 Tỉnh đã tiến hành thu thập chứng cứ tài liệu liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T019492 ngày 17/8/2001 mang tên Phan Thị T1 tuy nhiên hồ sơ lưu giữ tại UBND xã Thạch Trung và UBND thành phố H3 Tỉnh không còn tài liệu nào khác ngoài tên bà Phan Thị T1 được ghi trong sổ địa chính 05. Đồng thời ông T, bà T1, bà Xuân cũng đều khai không có cuộc họp nào của gia đình về việc phân chia di sản thừa kế cho bà T1 toàn quyền hưởng di sản. Do đó không có cơ sở khẳng định sau khi cụ D, cụ T3 mất thì các đồng thừa kế họp chia di sản thừa kế để lại cho bà T1. Bà Phan Thị T1 không có 1 trong những giấy tờ để thực hiện quyền của người sử dụng đất quy định tại Điều 3 Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất của bà Phan Thị T1 không có đầy đủ các tài liệu quy định điểm 3 khoản 1.2.3 tiểu mục 1.2 mục 1 phần II của Thông T số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính về hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy CNQSD đất. Tại thời điểm lập hồ sơ kê khai, UBND xã Thạch Trung, cụ thể là Hội đồng đăng ký đất đai UBND xã Thạch Trung, không thực hiện kiểm tra để phát hiện sai sót của người kê khai, chưa xác định cơ sở pháp lý của thửa đất kê khai, không phân tích chi tiết về nguồn gốc và những thay đổi trong quá trình sử dụng nhưng lập hồ sơ trình duyệt cấp có thẩm quyền, UBND thị xã H3 Tỉnh thành

kiểm tra căn cứ pháp lý của thửa đất. Như vậy việc lập hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất không đảm bảo của UBND xã Thạch Trung dẫn đến việc UBND thị xã H3 Tỉnh nay là UBND Tp H3 Tỉnh xét duyệt cấp Giấy CNQSD đất số T019492 mang tên bà Phan Thị T1 trái với quy định tại tiểu mục 1.3, mục I, phần II của Thông T số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính về hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy CNQSD đất ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế. Do đó có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Đặng Đình T hủy một phần giấy CNQSD đất số T019492 ngày 14/8/2001 của UBND thị xã H3 Tỉnh mang tên bà Phan Thị T1 đối với thửa đất số 375 tờ bản đồ 11 diện tích 1.053m² tại xóm T1 Phú, xã Thạch Trung, Tp H3 Tỉnh, tỉnh H3 Tỉnh.

[3] Về án phí: Bà Đặng Thị V pH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bà Phan Thị T1 và ông Đặng Đình T là đối Tọng người trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí (có xác nhận của chính quyền địa phương) nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Chi phí tố tụng thẩm định và định giá ông Đặng Đình T đã nộp đủ và T1 toán xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 5 Điều 26, khoản 1, 4 Điều 34, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 147; khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 227, Điều 474 Bộ luật TTDS năm 2015; khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 25 Pháp Lệnh thừa kế năm 1990; Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, khoản 2 Điều 616, điểm c khoản 2 Điều 618, Điều 623, 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự 2015; khoản 5 Điều 98, khoản 1 Điều 166 Luật đất đai 2013; tiểu mục 1.2, tiểu mục 1.3, mục I, phần II của Thông T số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính; Điều 3 Nghị Định 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ; Ấn lệ số 06/2016/AL của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao thông qua và công bố tại quyết định số 220/2016/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án TAND tối cao;

Điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Đình T về yêu cầu chia di sản thừa kế.

Giao cho ông Đặng Đình T được quyền quản lý, sử dụng di sản thừa kế phần đất có trị giá 270.448.000đ Tương ứng với diện tích 316 m² đất (trong đó 67m² đất ở, 249m² đất vườn); có vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đường xóm dài **10,9m**; Phía Tây giáp đất bà Trương Thị Mai dài **9,2 m**; phía N giáp nương

thoát nước dài 17,9 m và giáp đất ông Nguyễn Văn Ngôn dài 12,3 m; Phía Bắc giáp phần đất giao cho bà Đặng Thị V dài 29,8m.

- Giao cho bà Phan Thị T1 được quản lý, sử dụng di sản thừa kế phần đất có trị giá 410.989.500đ tương ứng với diện tích 579 m² đất (trong đó 100m² đất ở, 479 m² đất vườn); tạm giao cho bà Phan Thị T1 quản lý, sử dụng 54m² diện tích đất tăng thêm. Tổng diện tích bà Phan Thị T1 được quản lý sử dụng là 633m² (trong đó 100m² đất ở, 533 m² đất vườn), trị giá tài sản là 413.716.500đ, có vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đường xóm dài 22,8m, phía Tây giáp phần đất ông Đặng Đình H dài 3,6m và 2,0m; và giáp phần đất bà Trương Thị Mai dài 2,8m và 12,6m; Phía N giáp phần đất chia cho bà Đặng Thị V dài 29,8m; Phía Bắc giáp với đất ông Đặng Đình Hồ dài 27,9m. Trên diện tích đất có 01 ngôi nhà cấp 4 do ông H4, bà T1 xây năm 1991 và một số cây ăn quả, H3ng rào B40 bà T1 tiếp tục quản lý sử dụng số tài sản này.

- Giao cho bà Đặng Thị V được quản lý, sử dụng di sản thừa kế phần đất có trị giá 135.229.000đ tương ứng với diện tích 158m² (trong đó 33m² đất ở, 125m² đất vườn), vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đường xóm dài 5,7m, phía Tây giáp phần đất bà Trương Thị Mai 5,4m; phía Bắc giáp phần đất giao cho bà Phan Thị T1 dài 29,8m; Phía N giáp phần đất giao cho ông Đặng Đình T, dài 29,8m. Hiện bà Đặng Thị V đang sinh sống ở nước ngoài nên tạm giao cho bà Phan Thị T1 quản lý đối với diện tích đất này, sau khi bà Đặng Thị V về Việt N, bà Phan Thị T1 phải có trách nhiệm giao lại cho bà V. (Có sơ đồ kèm theo bản án).

2. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T019492 ngày 14/8/2001 mang tên bà Phan Thị T1 đối với thửa đất số 375 tờ bản đồ 11 tại xóm T1 Phú, xã Thạch Trung, Tp H3 Tĩnh, tỉnh H3 Tĩnh.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp, đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Ông Đặng Đình T, bà Phan Thị T1 là đôi Tọng người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Đặng Đình T 11.468.000 (mười một triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục T3 H3nh án dân sự TH3nh phố H3 Tĩnh theo biên lai thu số AA/2016/0000916 ngày 21/3/2018.

Bà Đặng Thị V phải chịu 6.761.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

“Bản án được T3 H3nh theo quy định tại Điều 2 Luật T3 H3nh án dân sự thì người được T3 H3nh án dân sự, người phải T3 H3nh án dân sự có quyền thỏa thuận T3 H3nh án, quyền yêu cầu T3 H3nh án, tự nguyện T3 H3nh án hoặc bị cưỡng chế T3 H3nh án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật T3 H3nh án dân sự; Thời hiệu T3 H3nh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T3 H3nh án dân sự”.

Nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn thời hạn 15 ngày (đối với đương sự ở trong nước) hoặc 01 tháng (đối với đương sự ở nước ngoài) kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh H3 Tĩnh;
- Cục T3 H3nh án dân sự tỉnh H3 Tĩnh;
- UBND TP. H3 Tĩnh;
- UBND xã Thạch Trung;
- Các Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiền